

Bản án số: 14/2024/DS-ST
Ngày: 23-5-2024.
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hồng Phúc;
- Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trang Hoàng Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2023/TLST- DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Mai Thị Hằng N**, sinh năm: 1964. Địa chỉ: **Tổ F, ấp R, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.**

- Bị đơn:

- Anh **Đặng Hoàng A**, sinh năm: 1989.
- Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm: 1992.

Cùng địa chỉ: **Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.**

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà **Mai Thị Hằng N trình bày:** Bà yêu cầu anh **Đặng Hoàng A** và chị **Nguyễn Thị Đ** trả lại

số tiền nợ gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi suất.
Cụ thể:

Giữa bà và vợ chồng anh **Đặng Hoàng A** quen biết thân thiết với nhau, cuối năm 2022 bà có cho vợ chồng anh **Hoàng A** vay với số tiền 200.000.000 đồng, hai bên có làm giấy nợ. Cụ thể như sau:

Vào khoảng tháng 9/2022 anh **Hoàng A** kêu bà góp vốn 100.000.000 đồng để đặt cọc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, khi nào chuyển nhượng được thì chia nhau tiền chênh lệch, bà đồng ý. Ngày 27/9/2022 bà cùng anh **Hoàng A** ký kết hợp đồng đặt cọc với ông **Lê Minh T** và bà **Nguyễn Thị Hồng V** đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng (trong đó: 100.000.000 đồng của bà còn 100.000.000 đồng của anh **Hoàng A**) để đảm bảo cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 571,6 m², thuộc thửa đất số 321 và 274, tờ bản đồ số 13, tọa lạc **ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**. Sau đó anh **Hoàng A** cho rằng số tiền trên là tiền vay không phải góp vốn và kêu bà cho vay thêm 100.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn 60 ngày sẽ trả lãi 14.000.000 đồng, bà đồng ý. Như vậy, bà cho vợ chồng anh **Hoàng A** vay tổng cộng 200.000.000 đồng, hai bên có làm giấy nợ ngày 07/11/2022 do anh **Hoàng A** viết và ký tên, 02 tháng đầu tiên anh **Hoàng A** trả tiền lãi 02 lần với số tiền 14.000.000 đồng, sau đó không trả nữa.

Thực tế bà cho vợ chồng anh **Hoàng A** vay, có lấy tiền lãi, tuy nhiên do lớn tuổi và mới phẫu thuật mắt nên bà không đọc rõ, trong giấy nợ anh **Hoàng A** ghi là hùn cổ phần là không đúng, mà là tiền vay. Bà thừa nhận đầu tiên thống nhất góp vốn để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng sau đó hai bên thống nhất tiền vay, có lãi suất để bà có tiền điều trị bệnh. Bà có yêu cầu trả nhiều lần, anh **Hoàng A** hứa mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ ruột vay tiền trả cho bà nhưng vẫn không thực hiện. Do đó, bà yêu cầu vợ chồng anh **Hoàng A** trả lại cho bà số tiền nêu trên, không yêu cầu tính lãi suất.

- Bị đơn anh **Đặng Hoàng A** và chị **Nguyễn Thị Đ** trình bày: Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh **Hoàng A** và chị **Đ** vẫn vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến phản đối yêu cầu của bà **Mai Thị Hằng N**.

* *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 và Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Mai Thị Hằng N** về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” đối với anh **Đặng Hoàng A** và chị **Nguyễn Thị Đ**. Buộc anh **Đặng Hoàng A** và chị **Nguyễn Thị Đ** có nghĩa vụ trả cho bà **Mai Thị Hằng N** số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Ghi nhận bà **Mai Thị Hằng N** không yêu cầu tính lãi suất.

+ Về án phí và chi phí giám định: Anh **Đặng Hoàng A** và chị **Nguyễn Thị Đ** phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà **Mai Thị Hằng N** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh **Đặng Hoàng A** và chị **Nguyễn Thị Đ** đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tháng 9/2022 bà góp 100.000.000 đồng cùng anh **Hoàng A** để đặt cọc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, khi nào chuyển nhượng được sẽ chia nhau tiền chênh lệch. Ngày 27/9/2022 bà cùng anh **Hoàng A** ký kết hợp đồng đặt cọc với ông **Lê Minh T** và bà **Nguyễn Thị Hồng V** đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng (mỗi người 50%) để đảm bảo cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 571,6 m², thuộc thửa đất số 321 và 274, tờ bản đồ số 13, tọa lạc **ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh**. Nhưng sau đó anh **Hoàng A** không đồng ý mà cho rằng tiền vay không phải góp vốn và bà **N** cho vay thêm 100.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi 14.000.000 đồng/ 60 ngày và rút cổ phần, hai bên có làm giấy nợ ngày 07/11/2022 do anh **Hoàng A** viết và chị **Đ** cùng ký tên, 60 ngày đầu tiên anh **Hoàng A** trả tiền lãi cho bà **N** số tiền 14.000.000 đồng, sau đó không trả nữa. Do anh **Hoàng A** và chị **Đ** vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên bà **N** khởi kiện yêu cầu anh **Hoàng A** và chị **Đ** trả nợ gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Nguyên đơn cung cấp Biên nhận ngày 07-11-2022. Nội dung Biên nhận thể hiện: “Anh **Đặng Hoàng A** và chị **Nguyễn Thị Đ** có nhận tiền hùng cổ phần của cô **Mai Thị Hằng N** số tiền cổ phần 200.000.000 (hai trăm triệu đồng), trong 60 ngày lợi 14.000.000 (mười bốn triệu đồng) và rút cổ phần. Nếu cùng tham gia cổ phần tiếp thì thực thi biên nhận mới”, có bà **N**, anh **Hoàng A** và chị **Đ** cùng ký tên và lãn tay. Xét thấy, các bên đã tự nguyện thỏa thuận góp vốn và trả tiền lợi từ việc góp vốn. Anh **Hoàng A** và chị **Đ** đã trả cho bà **N** số tiền lợi như đã thỏa thuận và khi hết thời hạn 60 ngày các bên không có thỏa thuận về việc tiếp tục góp cổ phần cũng như viết biên nhận mới nên cần xác định việc chấm dứt góp vốn sau 60 ngày và bà **N** rút lại tiền đã góp và trong

quá trình tố tụng, bà **N** cho rằng sau khi vợ chồng anh **Hoàng A** vi phạm nghĩa vụ thì hai bên thống nhất chuyển sang tiền vay để bà có tiền lãi suất hàng tháng điều trị bệnh. Về phía anh **Hoàng A** và chị **Đ**, mặc dù đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà **N** trong Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc thu thập, tiếp cận tài liệu chứng cứ và nội dung những vấn đề cần hòa giải trong các thông báo hòa giải nhưng anh **Hoàng A** và chị **Đ** không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng, anh **Hoàng A** và chị **Đ** đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có bất cứ ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà **N**.

[3.2] Tại Kết luận giám định số 690/KL-KTHS, ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: “Chữ ký, chữ viết trên Biên nhận ngày 07-11-2022 do anh **Đặng Hoàng A** và chị **Nguyễn Thị Đ** viết và ký tên” (bút lục số 62) và tại Kết luận giám định số 690-1/KL-KTHS, ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: “Dấu vân tay trên Biên nhận ngày 07-11-2022 là của anh **Đặng Hoàng A** và chị **Nguyễn Thị Đ** để lại” (bút lục số 60).

[3.3] Từ những tài liệu, chứng cứ và phân tích nêu trên có đủ cơ sở xác định, anh **Đặng Hoàng A** và chị **Nguyễn Thị Đ** còn nợ bà **N** số tiền 200.000.000 đồng là có thật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà **N** là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc anh **Hoàng A** và chị **Đ** có nghĩa vụ trả cho bà **N** số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[3.4] Ghi nhận bà **N** không yêu cầu tính lãi suất.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí và chi phí tố tụng: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **N** nên anh **Hoàng A** và chị **Đ** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 147 và Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Mai Thị Hằng N** về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” đối với anh **Đặng Hoàng A** và chị **Nguyễn Thị Đ**.

Buộc anh **Đặng Hoàng A** và chị **Nguyễn Thị Đ** có nghĩa vụ trả cho bà **Mai Thị Hằng N** số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Ghi nhận bà **Mai Thị Hằng N** không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí:

- Buộc anh **Đặng Hoàng A** và chị **Nguyễn Thị Đ** phải chịu 10.000.000 (mười triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc anh **Đặng Hoàng A** và chị **Nguyễn Thị Đ** phải chịu 5.300.000 (năm triệu ba trăm nghìn) đồng chi phí giám định để trả lại cho bà **Mai Thị Hằng N**.

Hoàn trả cho bà **Mai Thị Hằng N** tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai thu số 0023204 ngày 18-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu bộ phận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vui